

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/DSST  
Ngày 30 Tháng 09 năm 2024  
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Đồng Thị Lý – Bà Nguyễn Thị Hà

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

*Đại diện VKSND huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Kim T – Chức danh: Kiểm sát viên

Trong ngày 30/09/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLST-DS ngày 10/07/2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 223/2024/Q ĐXX - ST ngày 26/08/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐ-HPT ngày 13/09/2024

Giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị V1

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân Miền B – Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP V.

Ông Nguyễn Hồng B ủy quyền lại cho: ông Thái Đình Đ – Cán bộ Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Tầng C VPBank S, nhà L, khối Y, phường H, TP V, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** 1. Ông Lưu Văn T1 – Sinh năm 1972.

2. Bà Lê Thị H – Sinh năm 1975.

Đều trú tại: Xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

(Ông T1, Bà H vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu được nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án thể hiện nội dung:

Theo Hợp đồng cho vay số LN2211287587222 ngày 29/11/2022 và 03 khế ước nhận nợ (Khế ước nhận nợ ngày 01/12/2022, Khế ước nhận nợ ngày 06/12/2022, Khế ước nhận nợ ngày 09/12/2022), Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/12/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2022 thì ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H vay của ngân hàng V1 tổng số tiền là 1,872,000,000 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu đồng), Cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số LN2211287587222 ngày 29/11/2022 và khế ước nhận nợ, cụ thể: Số tiền cho vay: 1.900.000.000đ (Một tỷ chín trăm triệu Đồng); Thời hạn cho vay: 294 tháng (Hai trăm chín mươi bốn tháng), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay hoàn vốn mua bất động sản tại thửa đất số 28; Tờ bản đồ số 58; tại địa chỉ: xóm T; xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Khế ước nhận nợ ký ngày 01/12/2022. Số tiền nhận nợ 500,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn nhận nợ theo Khế ước nhận nợ đến ngày: 01/6/2047, tính từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

- Khế ước nhận nợ ký ngày 06/12/2022. Số tiền nhận nợ 570,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn nhận nợ theo Khế ước nhận nợ đến ngày: 01/6/2047, tính từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

- Khế ước nhận nợ ký ngày 09/12/2022. Số tiền nhận nợ 600,000,000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn nhận nợ theo Khế ước nhận nợ đến ngày: 01/6/2047, tính từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay.

- Lãi suất trong hạn:

+ Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 14,6 %/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày)

+ Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ 3%/năm

Trong đó Lãi suất cơ sở áp dụng tại thời điểm điều chỉnh, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau 12 tháng đầu cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm).

+ Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản

thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/12/2022. Số tiền vay: 101,000,000 đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 37 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: theo quy định của V1. Lãi suất cho vay quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2022. Số tiền vay: 101,000,000 đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 37 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: theo quy định của V1. Lãi suất cho vay quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Toàn Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 58, tại địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 346505, Số vào sổ cấp GCN: CS 03303 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 14/10/2022. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số LN2211287587222 ngày 29/11/2022.

Kể từ khi vay vốn tính đến ngày 05/03/2024 ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H đã thanh toán cho V1: Nợ gốc: 93,759,932 đồng - Nợ lãi: 266,765,505 đồng: 18.690 đồng. Tổng cộng: 360,525,437 đồng. Kể từ ngày 06/03/2024 đến nay vợ chồng ông T1, bà H không thanh toán được số tiền nào cho ngân hàng. Do ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại V1 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/9/2024 dư nợ của khoản vay nêu trên tổng số tiền là: 2,002,478,737 đồng ; Trong đó nợ gốc: 1,778,240,068 đồng. Nợ lãi: 216,024,915 đồng(Nợ lãi trong hạn: 68,320,073 đồng; Nợ lãi quá hạn: 147,704,842 đồng). Phạt chậm trả lãi: 8,213,754 đồng.

Ngân hàng TMCP V ( Còn gọi là V1) đề nghị Tòa án buộc ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/09/2024 là 2,002,478,737đ(Hai tỷ không trăm linh hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng). Đồng thời đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/10/2024 cho đến ngày ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng V1.

Trong trường hợp ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H không trả được nợ hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 346505, số vào sổ cấp GCN: CS 03303 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 14/10/2022 cho ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H đã được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số LN 2211287587222 ngày 29/11/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng .

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà ông T1, bà H vẫn chưa trả đủ số nợ nêu trên cho ngân hàng, thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông T1, bà H phải có trách nhiệm tiếp tục trả các khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi trả hết các khoản nợ.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất được đảm bảo cho khoản vay thấy rằng hiện trạng thửa đất thì diện tích của thửa đất, chiều dài các cạnh của thửa đất không có gì thay đổi so với hồ sơ kỹ thuật đất, không có tài sản gì trên thửa đất và không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất mà ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H thế chấp để đảm bảo cho khoản vay thấy rằng hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi, trên thửa đất không có tài sản gì, số đo các cạnh của thửa đất đúng với các cạnh của thửa đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: DI 346505, Số vào sổ cấp GCN: CS 03303 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 14/10/2022 và thửa đất không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Đối với bị đơn là vợ chồng ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T1, bà H không hợp tác, không có mặt tại tòa án để tham gia hòa giải, công khai chứng cứ và trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của họ để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì việc Ngân hàng TMCP V đã ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp để cho ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H vay vốn là đúng như đại diện của nguyên đơn trình đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo quy định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ và lấy lời khai đương sự theo quy định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo quy định tại Điều 205 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại Điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại điều 70; 71, 8, 86 và Điều 234 của BLTTDS. Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30 BLTTDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Điều 1, điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Điều 22, Điều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 280, 317, 318, 319, 351, 357, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là vợ chồng ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2024 là: 2,002,478,737 đồng ; Trong đó nợ gốc: 1,778,240,068 đồng. Nợ lãi: 216,024,915 đồng (Nợ lãi trong hạn: 68,320,073 đồng; Nợ lãi quá hạn: 147,704,842 đồng). Phạt chậm trả lãi: 8,213,754 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/10/2024 vợ chồng ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi suất của số tiền chưa trả cho ngân hàng cho đến lúc thanh toán đầy đủ các khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức tín dụng số LN2211287587222 ngày 29/11/2022 và khế ước nhận nợ, Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/12/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2022 và có sự điều chỉnh tiền lãi theo quy định mà các bên đã thỏa thuận.

Xử lý tài sản thế chấp: trường hợp vợ chồng ông T1, bà H không trả đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền tự phát mại tài sản bảo đảm thế chấp hoặc yêu cầu Chi cục thi hành dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc vợ chồng ông T1, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ còn lại nếu như tài sản phát mại tài sản thế chấp không đủ cho việc thanh toán nợ.

- Về án phí: Buộc bị đơn là ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H bị đơn trong vụ án có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng ông T1, bà H không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung : Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP V (V1) và xử lý tài sản thế chấp đối với ông Lưu Văn T1 và bà Lê Thị H là có căn cứ. Việc vay nợ của ông T1, bà H đối với Ngân hàng TMCP V được chứng minh tại Hợp đồng cho vay số LN2211287587222 ngày 29/11/2022, với thời hạn vay 294 tháng, lãi trong hạn 14,6 %/năm, Lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả tiền lãi là 10%/năm; thể hiện tại Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: LN 2211287587222 ngày 29/11/2022 do hai bên đã ký kết, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, thửa đất số: 28; Tờ bản đồ số 58, xã T- Y; Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 491,5m<sup>2</sup> đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DI 346505 ngày 14/10/2022 mang tên ông Lưu Văn T1 và Lê Thị H.

- Thời hạn vay khoản tiền 1,872,000,000 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu đồng) là 294 tháng kể từ ngày 01/12/2022, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 01/06/2047. Theo qui định tại hợp đồng cho vay số LN2211287587222 ngày 29/11/2022 và 03 Khế ước nhận nợ (Khế ước nhận nợ ngày 01/12/2022, Khế ước nhận nợ ngày 06/12/2022, Khế ước nhận nợ ngày 09/12/2022) thì ông T1, bà H phải trả nợ gốc mỗi tháng là 5.837.000 đồng và các khoản lãi phát sinh. Và còn phải trả tiền gốc và lãi phát sinh đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/12/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử

dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2022. Nhưng kể ngày 05/03/2024 đến nay thì ông T1, bà H không thanh toán số tiền gốc và lãi theo qui định của hợp đồng. Ngân hàng đã nhắc nhở và Thông báo thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngày 04/07/2024 do ngân hàng đã giao nộp có tại hồ sơ. Sau khi thông báo thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông T1, bà H cũng không chịu thanh toán đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên ngân hàng khởi kiện đòi nợ trước hạn là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong thời gian vay thì ông T1, bà H đã thanh toán được số tiền gốc 93,759,932 đồng; số tiền lãi 266,765,505 đồng; Tổng cộng: 360,525,437 đồng đồng. Kể từ ngày 05/03/2024 đến ngày 29/9/2024 (trước ngày xét 1 ngày) ông T1, bà H chưa thanh toán số tiền gốc, lãi suất cho ngân hàng, nên lãi suất được tính theo lãi suất quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP V( V1) yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà H thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 30/9/2024 với tổng số tiền là: 2,002,478,737 đồng ; Trong đó nợ gốc: 1,778,240,068 đồng. Nợ lãi: 216,024,915 đồng(Nợ lãi trong hạn: 68,320,073 đồng; Nợ lãi quá hạn: 147,704,842 đồng). Phạt chậm trả lãi: 8,213,754 đồng là đúng pháp luật, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng TMCP V và vợ chồng ông T1, bà H còn ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: LN2211287587222 ngày 29/11/2022, ông T1, bà H đã thế chấp thửa đất số: 28, tờ bản đồ số 58, xã T, huyện Y; Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 491,5m<sup>2</sup> đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DI 346505 ngày 14/10/2022 mang tên ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H để vay tiền của Ngân hàng. Đây là tài sản hợp pháp của ông T1, bà H được dùng để bảo đảm cho khoản vay, nên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành án khi ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H không trả được nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 288; 303; 317; 318, 319, 351, 357, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 4, Điều 306 của Luật kinh doanh thương mại; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N về Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho

vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng N; Điều 22, Điều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**Xử:** Buộc ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền dư nợ gốc và các khoản lãi theo Hợp đồng cho vay số LN2211287587222 ngày 29/11/2022 và 03 khế ước nhận nợ (Khế ước nhận nợ ngày 01/12/2022, Khế ước nhận nợ ngày 06/12/2022, Khế ước nhận nợ ngày 09/12/2022), Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/12/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/12/2022 tạm tính đến ngày 30/09/2024 là: 2,002,478,737 đồng ; Trong đó nợ gốc: 1,778,240,068 đồng. Nợ lãi: 216,024,915 đồng (Nợ lãi trong hạn: 68,320,073 đồng; Nợ lãi quá hạn: 147,704,842 đồng). Phạt chậm trả lãi: 8,213,754 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2024 ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2211287587222 ngày 29/11/2022 và các khế ước nhận nợ của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T1, bà H vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H không trả hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại tài sản ông T1, bà H đã thế chấp đối với thửa đất số: 28, tờ bản đồ số 58, xã T, huyện Y; Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích 491,5m<sup>2</sup> đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DI 346505 ngày 14/10/2022 mang tên ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ thì ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



Buộc vợ chồng ông Lưu Văn T1, bà Lê Thị H phải nộp 72.049.574đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP V theo biên lai nộp tiền số: 0002927 ngày 10/07/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành- Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND H. Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu kết quả
- Các đương sự

(Đã ký)

**Nguyễn Công Hưng**